

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng của Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STP
ngày / /2021 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và một số nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Sở Tư Pháp tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tập thể: Các Phòng nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở
- Cá nhân: Công chức, viên chức và người lao động Sở Tư pháp.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thi đua thực hiện trên nguyên tắc: Tự nguyện, công khai, dân chủ, đảm bảo tinh thần đoàn kết hợp tác. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua, có đăng ký thi đua, đủ tiêu chuẩn đều được xét công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc: Kịp thời, chính xác, công khai, dân chủ. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng là gương sáng cho mọi người trong đơn vị cũng như các đơn vị khác noi theo.

3. Không xét khen thưởng đối với cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật; tập thể có cá nhân vi phạm kỷ luật trong kỳ phát động thi đua và các quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý, phụ trách và chủ động phát hiện lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để đề nghị khen thưởng.

Tổ chức phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề ở cơ quan đề ra chỉ tiêu, giải pháp thực hiện và thời gian hoàn thành cho từng phong trào, hướng vào việc giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất.

Phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên động viên, đôn đốc, kiểm tra duy trì phong trào. Kết thúc mỗi đợt thi đua phải tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá phong trào, xét chọn tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng, trình cấp trên khen thưởng và có báo cáo về Hội đồng thi đua, khen thưởng của Sở Tư pháp.

Điều 5. Hình thức tổ chức các phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, tháng, quý, năm của mỗi phòng, ban trực thuộc, lĩnh vực thi đua nhằm thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu và chương trình công tác đề ra.

2. Thi đua theo đợt, theo chuyên đề được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ khó khăn của đơn vị trong từng giai đoạn hoặc lập thành tích chào mừng các ngày kỷ niệm của ngành, của tỉnh. Thi đua theo đợt phải xác định rõ mục đích, nội dung, thời điểm bắt đầu và kết thúc.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ của cơ quan, đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi.

2. Tổ chức phát động phong trào thi đua phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của từng cán bộ, công chức, viên chức, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua. Chông mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Có kế hoạch triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm làm tốt cho các đối tượng tham gia thi đua.

Điều 7. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua

Công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua được tiến hành đồng thời với tổng kết công tác chuyên môn, đánh giá, bình xét, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định ở đơn vị. Sở Tư pháp tổ chức tổng kết công tác thi đua, xét khen thưởng vào dịp tổng kết ngành hàng năm.

Đối với phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề phải tiến hành sơ kết, tổng kết ngay sau khi kết thúc phong trào thi đua; thông qua việc tổng kết thi đua kịp thời rút kinh nghiệm, xét chọn tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng, trình cấp trên khen thưởng và tổ chức tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong đơn vị, trong ngành.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất, chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, văn hóa, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 23, Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Giám đốc Sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22, Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

- Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân nào bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Được xét tặng hàng năm, lựa chọn trong số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
4. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, không có cá nhân nào bị kỷ luật hoặc hình thức “chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa 6 tháng” trở lên (nếu là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động);

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 14. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các tập thể đơn vị dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua của tỉnh;

2. Tiêu chuẩn xét tặng:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong tỉnh;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

- Tổ chức Đảng đạt trong sạch, vững mạnh, Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh.

Điều 15. Cờ Thi đua của Chính phủ

Có các tiêu chí như Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng ở mức cao hơn, phải là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong các Cụm, Khối thi đua của tỉnh, tiêu biểu cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh học tập, đi đầu trong việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí và các tệ nạn xã hội khác. Đơn vị, địa phương xét tặng Cờ Thi đua của Chính phủ do Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh lựa chọn trong số các đơn vị, địa phương tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua của tỉnh.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp

Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp Bình Phước để tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với cá nhân:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với tập thể:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể;

d) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 17. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề được thực hiện tại khoản 1, khoản 2, Điều 11 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020

2. Khen thưởng thường xuyên (tổng kết năm):

a) Đối với cá nhân:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017;

b) Đối với tập thể:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017;

Điều 18. Bằng khen của Bộ Tư pháp

Bằng khen của Bộ Tư pháp được xét tặng cho cá nhân, tập thể thực hiện tốt các phong trào thi đua chuyên đề do Bộ Tư pháp phát động

1. Cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan đạt một trong các tiêu chuẩn sau;

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập thành tích xuất sắc, đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể, trung ương.

2. Đối với tập thể gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có Thành tích xuất sắc được xét trong phong trào thi đua;

b) Lập thành tích xuất sắc, đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể, trung ương.

Điều 19. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ xét tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 20. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua và hình thức thi đua cho Tập thể, cá nhân: căn cứ và Điều 12 và Điều 13 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020

Điều 21. Xét khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, thuyên chuyển công tác

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (có giấy xác nhận) thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có giấy xác nhận kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp danh hiệu “Lao động tiên tiến”, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

3. Đối với cá nhân thuyên chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

Điều 22. Tỷ lệ, cơ cấu xét thi đua, khen thưởng thường xuyên (khen thưởng tổng kết năm): Căn cứ vào Điều 14 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng, đề nghị khen thưởng các danh hiệu và các hình thức khen thưởng

- Giám đốc Sở Tư pháp Quyết định tặng thưởng: Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, Tập thể “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân, tập thể thuộc Sở Tư pháp tỉnh.

- Đề nghị cấp trên khen thưởng:

+ Xét, đề nghị thường trực hội đồng thi đua tỉnh xem xét trình Chính Phủ tặng danh hiệu khen tặng các danh hiệu: “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Tập thể “Lao động xuất sắc” trong các phong trào thi đua và các hình thức từ Bằng khen trở lên.

+ Xét, đề nghị Bộ Tư pháp tặng Bằng khen, Cờ thi đua.

+ Xét, đề nghị UBND tỉnh khen tặng các danh hiệu: “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, Tập thể “Lao động xuất sắc” và các hình thức từ Bằng khen trở lên.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở Tư pháp thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền giám đốc khen và trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Điều 25. Thời gian xét duyệt hồ sơ khen thưởng

Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng thành tích tổng kết năm gửi về Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở Tư pháp (Văn phòng sở), chậm nhất vào ngày 20/11 của năm đó.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết năm, hồ sơ gồm có:

- Biên bản họp xét thi đua của phòng, ban (01 bản);

- Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân. (theo mẫu quy định theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Riêng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và khen tặng các danh hiệu: “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Bằng khen Thủ tướng Chính Phủ trở lên.gửi báo cáo sáng kiến có xác nhận của Hội đồng xét sáng kiến đơn vị, địa phương hoặc văn bản chứng nhận đề tài khoa học cấp tỉnh của Sở Khoa học và Công nghệ (01 bản) Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và .

2. Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm có:

Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của phòng, ban có tóm tắt thành tích đạt được trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (01 bản);

3. Đối với khen thưởng đột xuất, hồ sơ gồm có:

Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của phòng, ban ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng (01 bản).

Điều 27. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng (Văn phòng Sở) có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Điều 28. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước và các hình thức khen thưởng cao.

2. Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất, đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời, đề động viên tập thể, cá nhân được khen thưởng. Đối với khen thưởng các phong trào thi đua trao tặng trong hội nghị tổng kết.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CỦA SỞ TƯ PHÁP

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở,

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Tư pháp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Văn phòng là bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng,

c) Các thành viên: đại diện lãnh đạo Công đoàn; các thành viên khác gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt” và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 30. Hội đồng Sáng kiến Sở Tư pháp

Việc thành lập Hội đồng sáng kiến, xét sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Chương VII

MỨC THƯỞNG VÀ NGUYÊN TẮC CHI KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguyên tắc chi tiền thưởng

1. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn...tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 32. Mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 73, 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Trách nhiệm trong việc kê khai, kiểm tra và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Giám đốc Sở Tư pháp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

3. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 78, 79 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thì lập thủ tục đề nghị Thủ trưởng cơ quan ra quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất Thủ trưởng cơ quan xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm.

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan.

Điều 35. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, Giám đốc Sở Tư pháp có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 36. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các phòng ban thực hiện Quy chế này, việc thực hiện không đúng những quy định tại Quy chế này sẽ không được xét thi đua, khen thưởng.

Điều 37. Chánh Văn phòng Sở Tư pháp, Trưởng, Phó các, phòng nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp thuộc sở, các Phòng Tư pháp và toàn thể công chức, viên chức, tư pháp- hộ tịch người lao động và những người có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này./.